



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP

Ngày 30/09/2025	7,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.9%	-1.3%	20.1%

DT thuần Q3/25
5,225
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 201 4.0%
YoY: ▲ 783 17.6%

LN thuần Q3/25
21.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.90 -11.7%
YoY: ▼5.00 -18.6%

LN sau thuế Q3/25
19.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.30 -14.6%
YoY: ▼8.80 -31.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
1.0%
YoY: +/- ▼ 0.7%

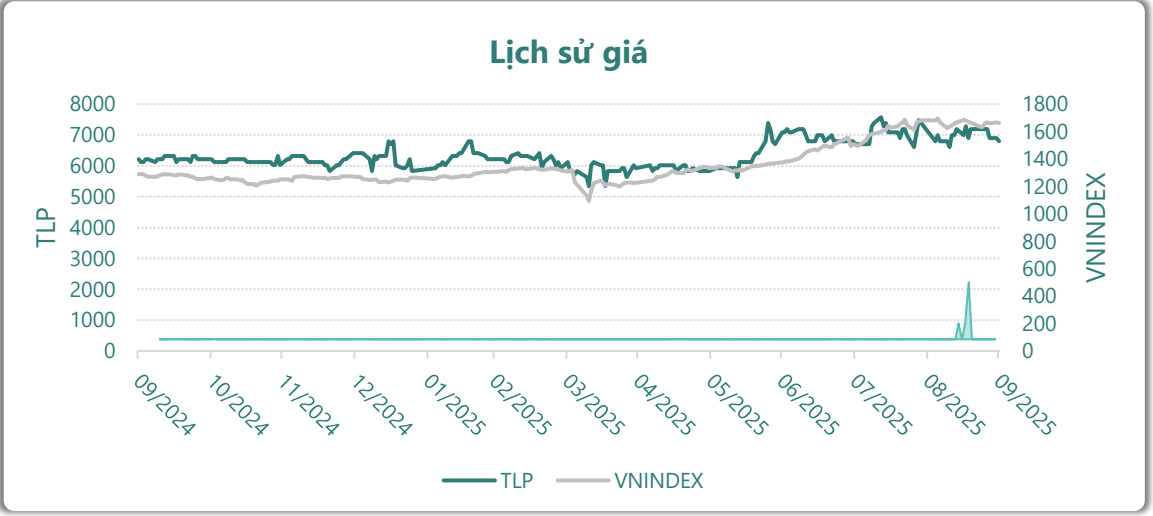
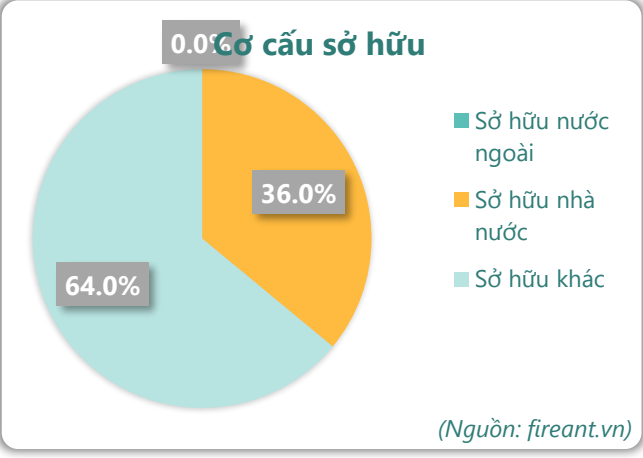
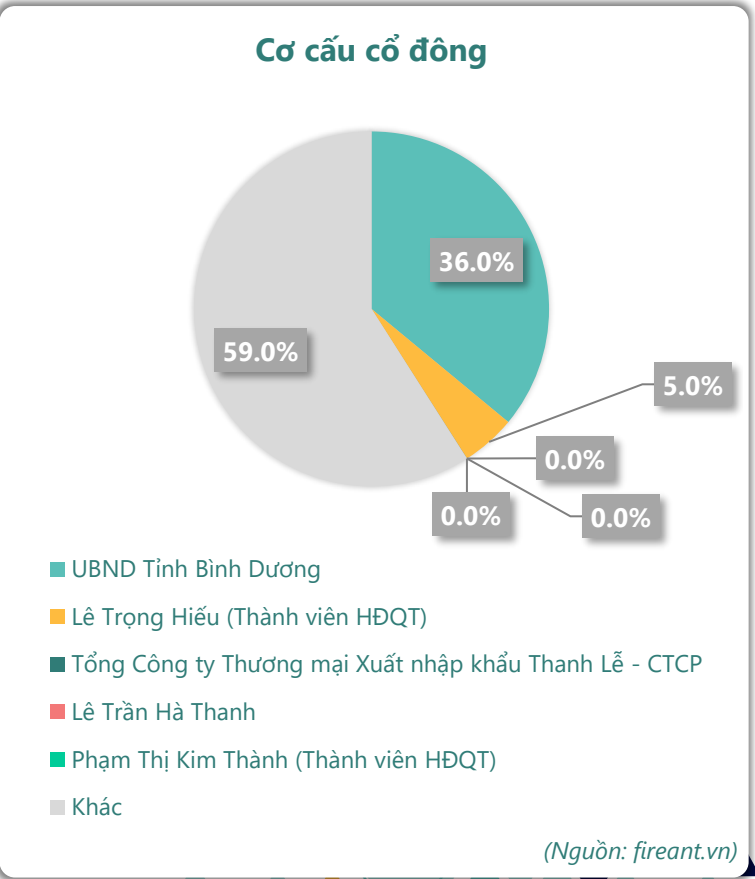
ROE (TTM) Q3/25
1.1%
YoY: +/- ▼ 0.7%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,343 - 7,577
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,656
Số lượng CPLH (CP)	236,579,900
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,135
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.76
EPS	130
P/E	53.8

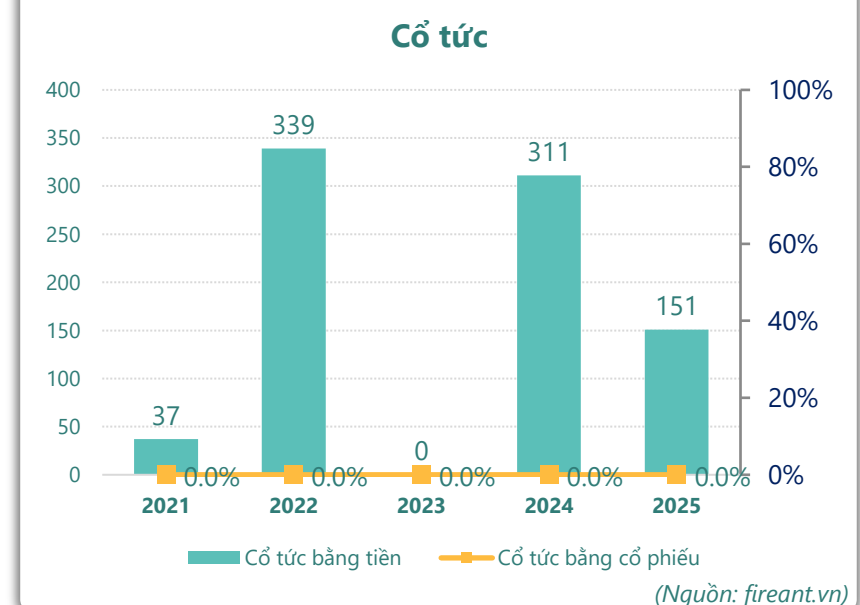
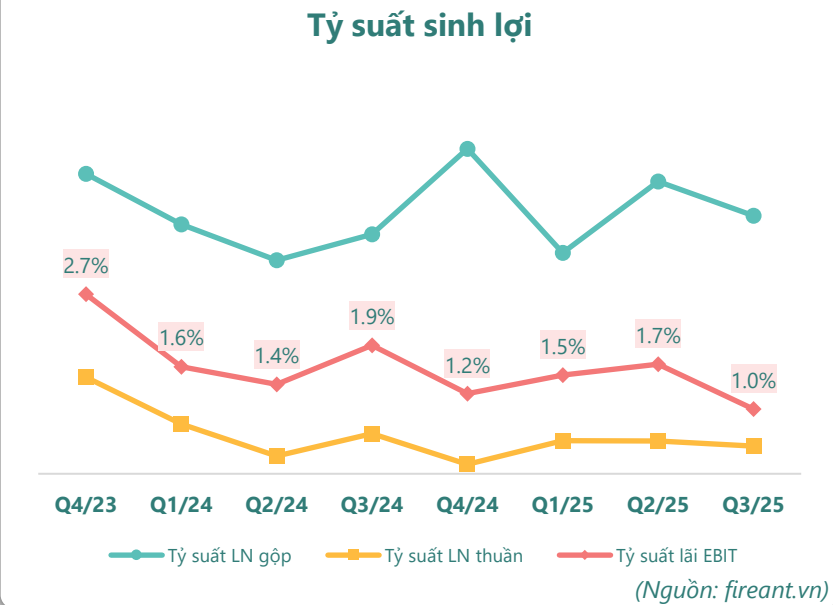
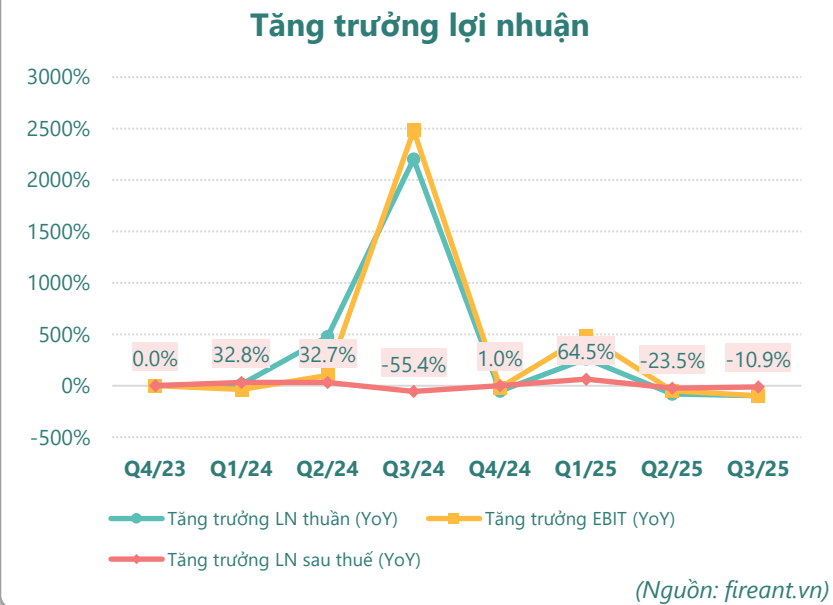
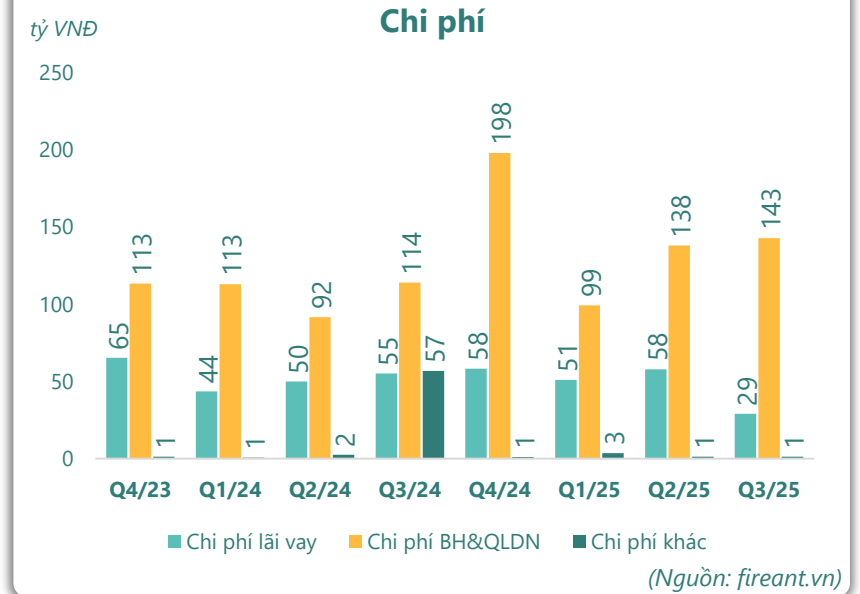
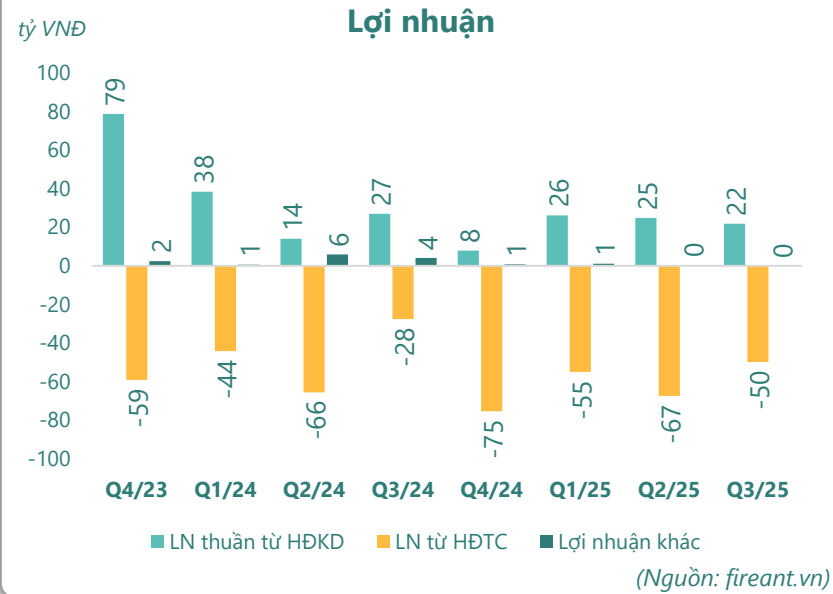
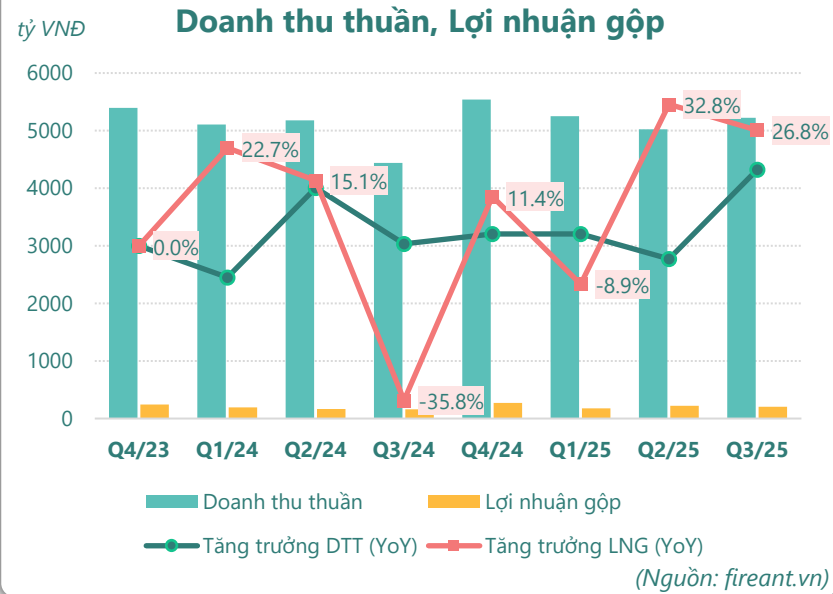
DT thuần 9T 2025
15,498
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 768 5.2%

LN thuần 9T 2025
73.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.30 -8.0%

LN sau thuế 9T 2025
65.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼15.7 -19.4%



KẾT QUẢ KINH DOANH

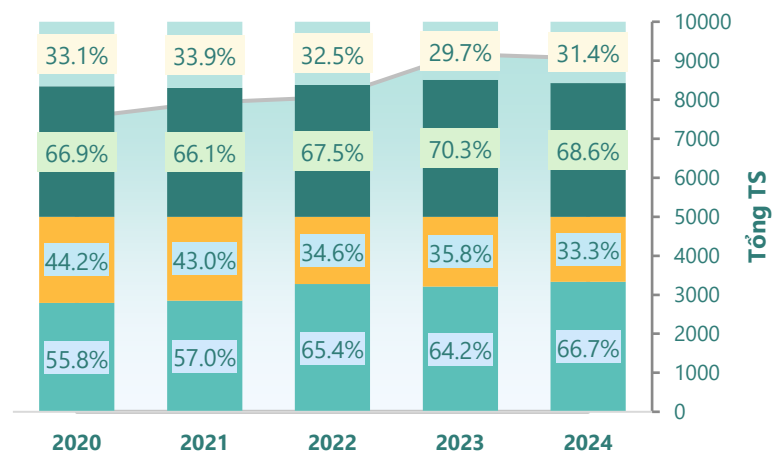




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

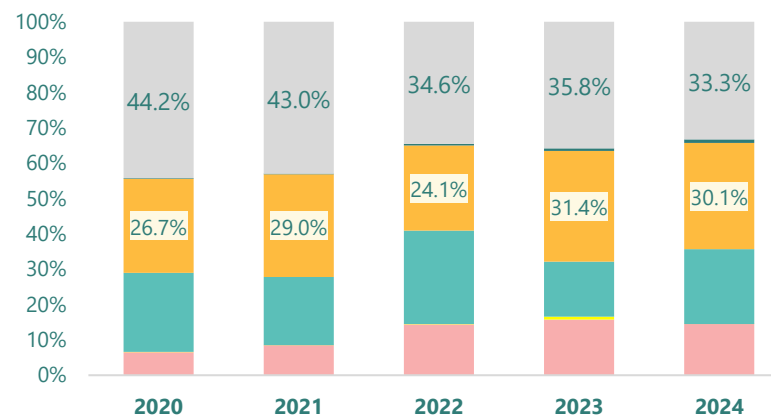
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

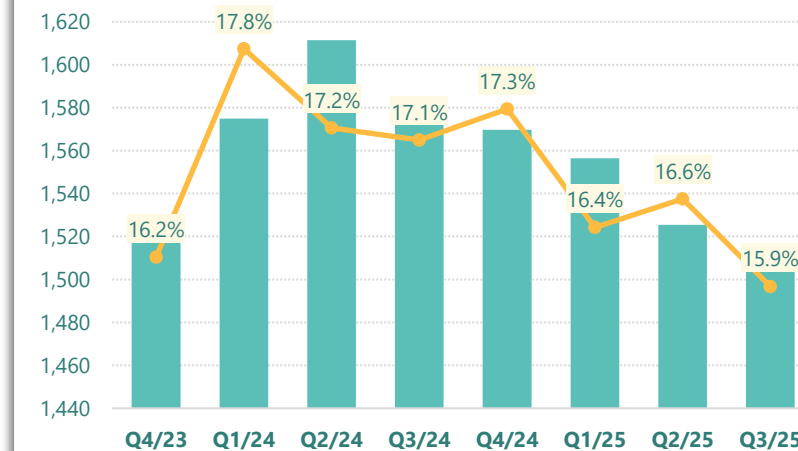


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn
■ Hàng tồn kho ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

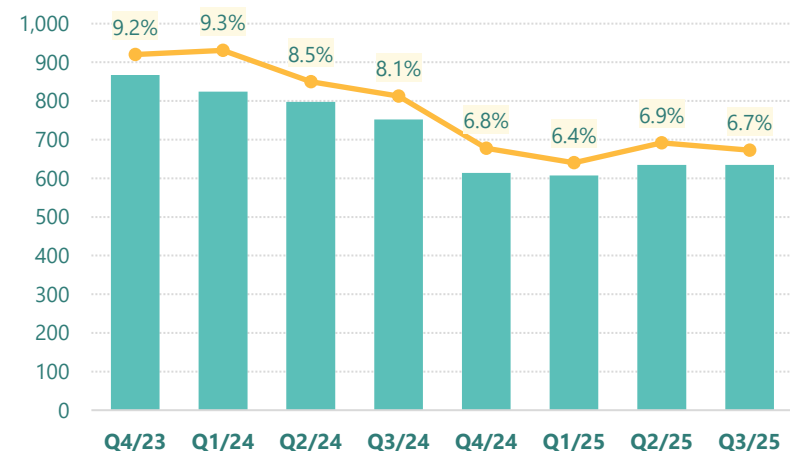


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

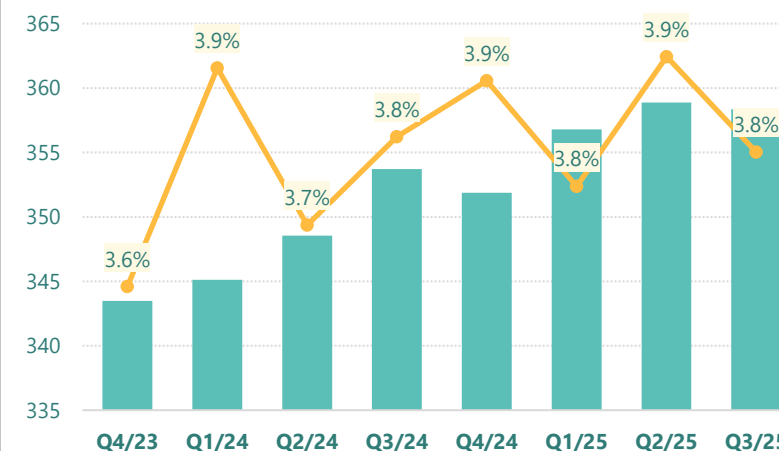


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

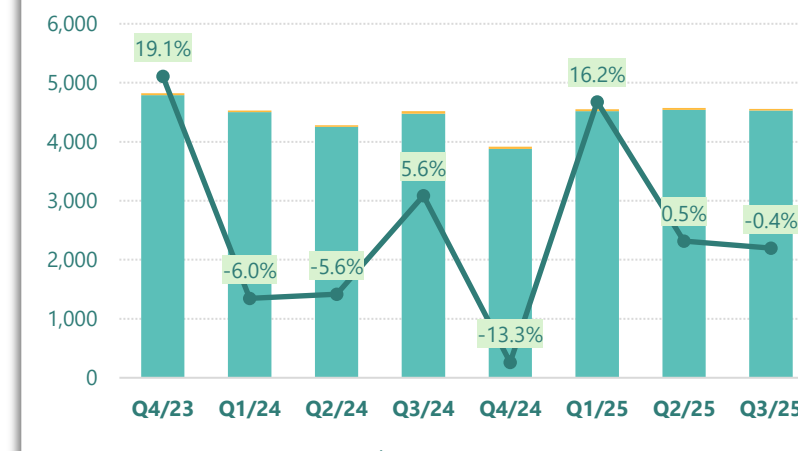


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

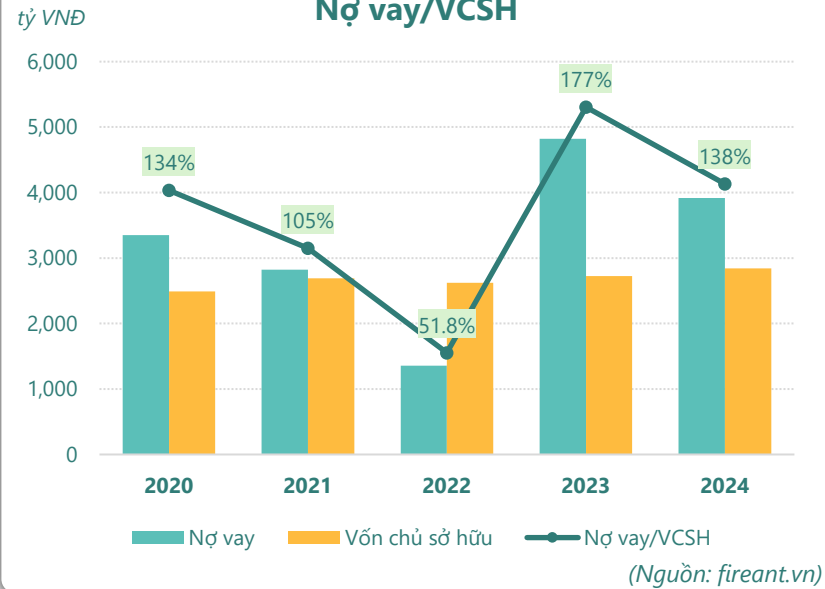
— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

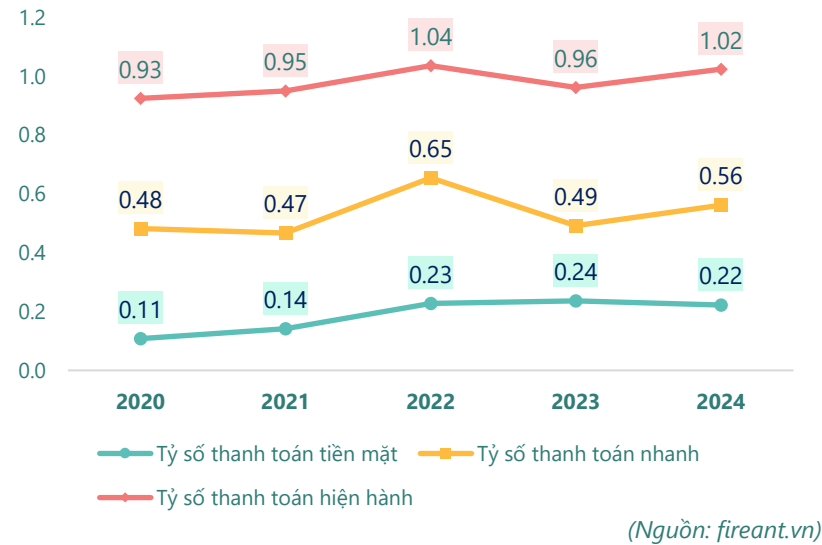


HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

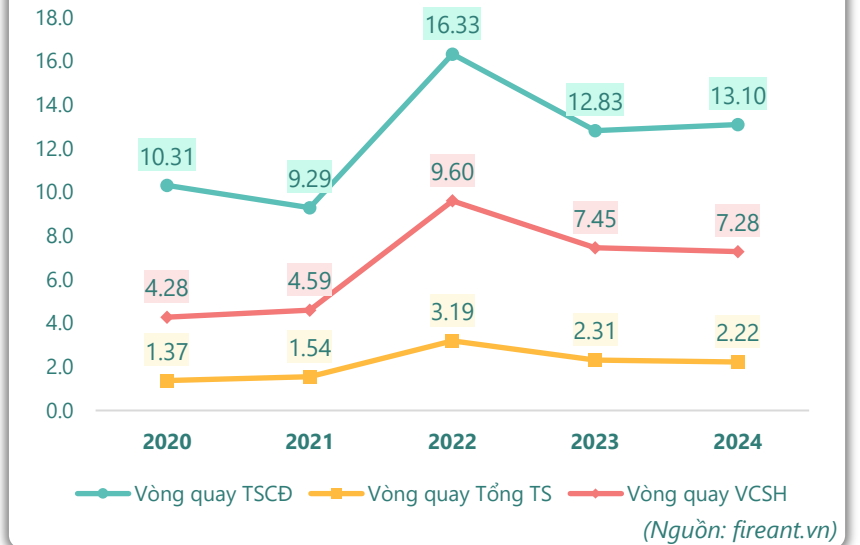
Nợ vay/VCSH



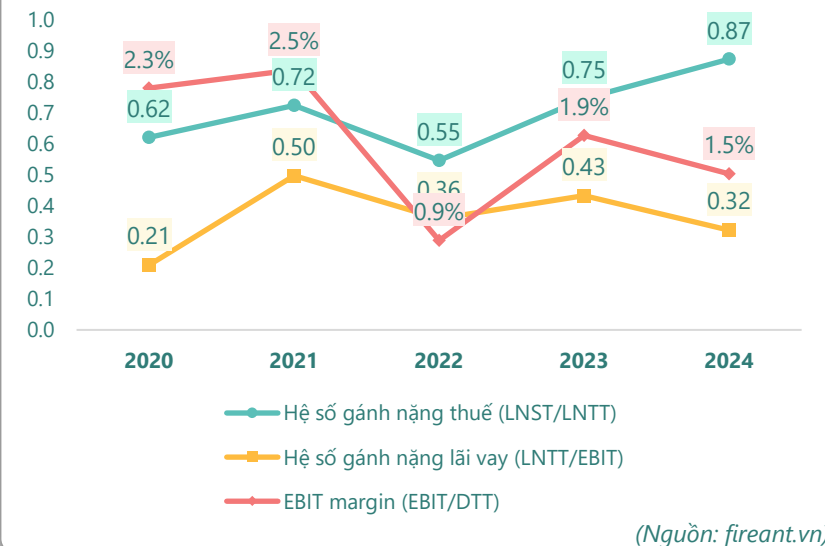
Chỉ số thanh khoản



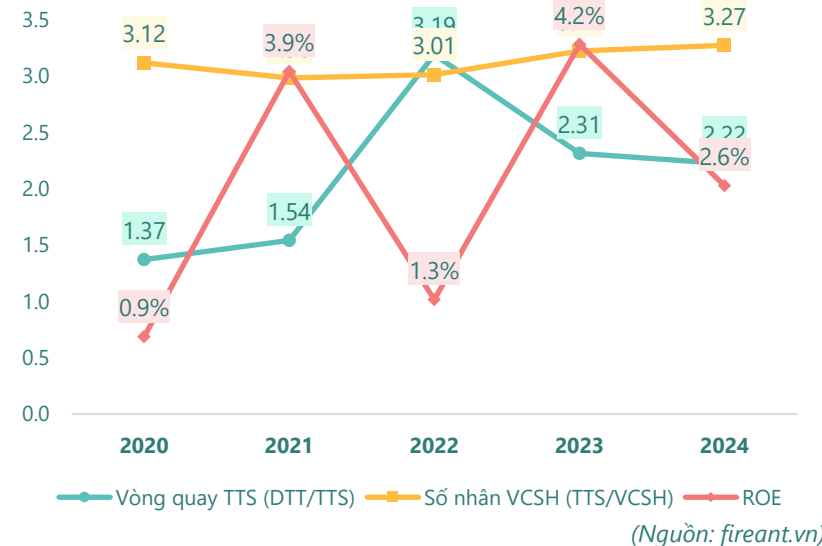
Vòng quay tài sản



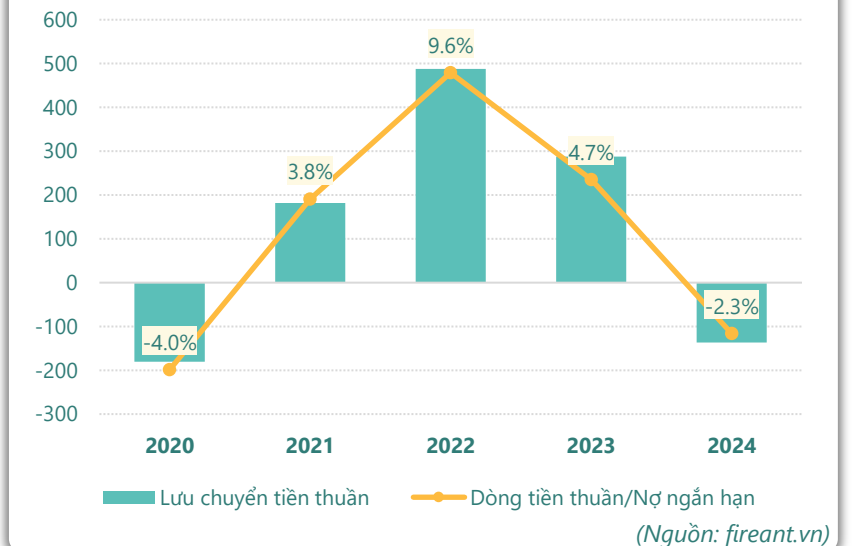
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Vòng quay tài sản và ROE



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	5,225	4,442	17.6%	15,498	14,730	5.2%
Giá vốn hàng bán	5,021	4,281	17.3%	14,897	14,209	4.8%
Lợi nhuận gộp	204	161	26.7%	601	521	15.5%
Doanh thu HĐTC	14.8	32.4	-54.3%	37.1	49.1	-24.4%
Chi phí TC	64.7	60.0	7.9%	209	186	12.4%
Chi phí lãi vay	29.1	55.2	-47.2%	138	149	-7.2%
LN trong công ty LKLD	10.7	7.76	38.4%	24.3	14.8	64.0%
Chi phí bán hàng	119	88.1	35.3%	267	244	9.5%
Chi phí QLDN	23.7	26.0	-9.0%	114	75.1	51.0%
LN thuần từ HĐKD	21.9	26.9	-18.6%	73.0	79.3	-8.0%
Lợi nhuận khác	0.07	4.16	-98.4%	1.60	10.7	-85.1%
LN trước thuế	22.0	31.1	-29.4%	74.6	90.0	-17.2%
Lợi nhuận sau thuế	19.1	27.9	-31.5%	65.0	80.7	-19.4%
LNST của CĐ cty mẹ	4.35	24.8	-82.5%	42.2	71.0	-40.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	440	-260	617	-74.4	-255	182
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	57.4	141	-20.2	57.1	-142	54.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-258	230	-631	621	96.7	-16.5
Tiền đầu kỳ	994	1,233	1,344	1,310	1,914	1,613
Lưu chuyển tiền thuần	239	111	-34.5	604	-301	220
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.01	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1,233	1,344	1,310	1,914	1,613	1,834

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	9,429	9,061	4.1%
Tài sản ngắn hạn	6,509	6,044	7.7%
Tiền và tương đương tiền	1,834	1,310	40.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.4	3.30	1428%
Phải thu ngắn hạn	1,762	1,917	-8.0%
Hàng tồn kho	2,820	2,729	3.3%
Tài sản ngắn hạn khác	42.7	85.2	-49.9%
Tài sản dài hạn	2,920	3,017	-3.2%
Phải thu dài hạn	41.0	54.2	-24.3%
Tài sản cố định	1,504	1,570	-4.2%
Bất động sản đầu tư	174	175	-1.1%
Tài sản dở dang	634	614	3.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	358	352	1.9%
Tài sản dài hạn khác	209	252	-17.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6,531	6,217	5.1%
Nợ ngắn hạn	6,238	5,900	5.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,529	3,879	16.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,034	1,014	2.0%
Nợ dài hạn	293	317	-7.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	28.6	40.2	-28.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,898	2,844	1.9%
Vốn chủ sở hữu	2,898	2,844	1.9%
Vốn điều lệ	2,366	2,366	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

